Bệnh viện Đa khoa
Lãnh Binh Thăng

KHOA ĐIỀU TRỊ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU

QUY TRÌNH
KHÁM SỨC KHỎE TẠI KHOA ĐIỀU TRỊ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU

MÃ HÓA: QT-ĐTDVTYC-05
TCVN ISO 9001:2015

Biên soạn	Người kiểm tra	Phê duyệt
Trưởng khoa	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	Giám đốc
Trần Nhị Vinh	Khưu Thoại Hoa	Trần Chánh Xuân

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA LÃNH BINH THĂNG

BỆNH VIỆN ĐA KHOA
LÃNH BINH THĂNG
KHOA ĐIỀU TRỊ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU

QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE TẠI KHOA ĐIỀU TRỊ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU

❖ THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- BS: bác sĩ.
- CLS: cận lâm sàng.
- ĐTDVTYC: Điều trị dịch vụ theo yêu cầu.
- KHTH: Kế hoạch tổng hợp.
- TCKT: Tài chính kế toán.
- KSK: khám sức khỏe.
- VIP: Very Important Person.

❖ QUY ƯỚC HỆ THỐNG KÝ HIỆU MÃ SỐ TÀI LIỆU

➢ **Mã số quy trình**: QT-ĐTDVTYC-05

- **QT** là chữ viết tắt của từ quy trình.
- **ĐTDVTYC:** là ký hiệu viết tắt của Khoa Điều trị dịch vụ theo yêu cầu.
- **05** là số thứ tự của quy trình.

➢ **Mã số biểu mẫu**: QT-ĐTDVTYC-05-BM.01

- **QT** là chữ viết tắt của từ quy trình.
- **ĐTDVTYC** là ký hiệu viết tắt của Khoa Điều trị dịch vụ theo yêu cầu.
- **05** là số thứ tự của quy trình.
- **BM** là chữ viết tắt của từ biểu mẫu.
- **01** là số thứ tự của biểu mẫu.

❖ CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;
- Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách Nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc TP. HCM quản lý;
- Thông tư số 31/2021/TT-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2021 quy định hoạt động điều dưỡng trong bệnh viện;
- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 quy đinh chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Thông tư số 41/2025/TT-BYT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ;

- Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BYT hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng xét nghiệm tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Công văn số 9345/SYT-NVY ngày 10 tháng 7 năm 2026 về việc cập nhật nội dung, các biểu mẫu khám sức khỏe nhằm triển khai thống nhất công tác khám sức khỏe Trên địa bàn Thành phố theo các quy định và hướng dẫn mới của Bộ Y tế;

- Công văn số 10062/SYT-NVY ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc cập nhật nội dung, các biểu mẫu khám sức khỏe

BỆNH VIỆN ĐA KHOA
LÃNH BINH THĂNG
KHOA ĐIỀU TRỊ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU

QUY TRÌNH
KHÁM SỨC KHỎE TẠI KHOA ĐIỀU TRỊ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU

I. Quy trình:

STT	Bước thực hiện	Khoa/phòng thực hiện	Người thực hiện	Biểu mẫu/hồ sơ
1	Tiếp nhận, hướng dẫn khách hàng	- Khoa ĐTDVTYC	- Điều dưỡng viên	- Giấy KSK TT25/2026/TT-BYT
2	Hướng dẫn khách hàng đóng tiền	- Khoa ĐTDVTYC - Phòng TCKT	- Điều dưỡng viên - Nhân viên thu ngân	- Giấy KSK TT25/2026/TT-BYT
3	Hướng dẫn khách hàng đến khám tại các phòng khám chuyên khoa theo quy định	- Khoa ĐTDVTYC	- BS các phòng khám chuyên khoa - Điều dưỡng viên	- Giấy KSK TT25/2026/TT-BYT
4	Thực hiện các cận lâm sàng (nếu có)	- Các khoa CLS	- Điều dưỡng viên - Kỹ thuật viên	- Giấy KSK TT25/2026/TT-BYT
5	Giải quyết sự cố trong quá trình khám (nếu có)	- Khoa ĐTDVTYC	- BS trưởng khoa - Điều dưỡng trưởng khoa	- Phần mềm Báo cáo sự cố
6	Kết thúc quy trình KSK, khách hàng nhận giấy KSK	- Khoa ĐTDVTYC	- Điều dưỡng viên	- Giấy KSK TT25/2026/TT-BYT đã được kết luận
7	Thống kê, tổng hợp và báo cáo số liệu	- Khoa ĐTDVTYC	- Điều dưỡng trưởng khoa - Điều dưỡng viên	- Báo cáo tháng, quý, năm

II. Diễn giải nội dung quy trình

1. Bước 1: tiếp nhận, hướng dẫn khách hàng

1.1. Trách nhiệm khách hàng:

- Cung cấp thông tin cá nhân cho điều dưỡng và nhận hồ sơ theo yêu cầu khách hàng.

- Điền đầy đủ thông tin hành chính của bản thân vào giấy đã được điều dưỡng tiếp nhận phát cho khách hàng.

1.2. Trách nhiệm của quầy KSK Khoa ĐTDVTYC:

- Bố trí quầy tiếp đón.

- Tư vấn gói KSK cho khách hàng.

- Kiểm tra thông tin hành chính khách hàng và hồ sơ thông tin hành chính khách hàng.

- Đo huyết áp, mạch, chiều cao, cân nặng, ghi phân loại chỉ số BMI vào giấy KSK.

- Điều dưỡng nhập thông tin vào phần mềm Hsoft KSK và vào sổ lưu trữ tại khoa.

- Trường hợp khách hàng khám sức khỏe tâm thần điều dưỡng nhập thông tin, hướng dẫn khách hàng khám khoa tâm thần kinh gặp bác sĩ tư vấn cho chỉ định CLS (nếu có).

- Bước 2: hướng dẫn khách hàng đóng tiền

- Hướng dẫn khách hàng đóng tiền tại quầy thu phí hoặc quét mã QR thanh toán trên phiếu chỉ định, kiểm tra đóng tiền trên phần mềm Hsoft KSK F7, phát giấy hướng dẫn trình tự khám các khoa cho khách hàng, hỗ trợ khi khách hàng chưa được rõ.

2. Bước 3: hướng dẫn khách hàng đến khám tại các phòng khám chuyên khoa theo quy định

2.1. Trách nhiệm của khách hàng:

- Khách hàng đi theo giấy hướng dẫn hoặc chỉ dẫn của điều dưỡng.

- Vào khám khi được gọi đúng người, đúng hồ sơ.

2.2. Trách nhiệm của phòng khám chuyên khoa:

- Gọi khách hàng vào khám theo chỉ dẫn của khoa, đối chiếu lại khách hàng và hồ sơ khám.

- Bố trí buồng khám lâm sàng, chuyên khoa.

- Bác sĩ khám, ghi thông tin, tư vấn và giải đáp thắc mắc theo yêu cầu của khách hàng, trường hợp phát hiện bệnh lý bác sĩ tư vấn để điều trị nếu khách hàng đồng ý.

3. Bước 4: thực hiện các cận lâm sàng (nếu có)

3.1. Trách nhiệm của khách hàng:

- Đến nơi thực hiện CLS lấy số thứ tự chờ đến lượt và đưa phiếu chỉ định cho điều dưỡng, kỹ thuật viên.

- Phối hợp với kỹ thuật viên, điều dưỡng viên để thực hiện CLS.

3.2. Trách nhiệm của khoa thực hiện cận lâm sàng:

- Bố trí đủ điểm thực hiện CLS phù hợp với lưu lượng khách hàng.

- Nhận phiếu chỉ định từ khách hàng và kiểm tra thông tin trực tiếp trên khách hàng theo quy trình chống nhầm lẫn.

- Hướng dẫn khách hàng chuẩn bị thực hiện CLS theo chỉ định của bác sĩ khám.

- Hẹn thời gian trả kết quả CLS, khách hàng nhận kết quả tại khoa CLS.

4. Bước 5: giải quyết sự cố trong quá trình khám (nếu có)

- Nhân viên y tế khi phát hiện có sự cố xảy ra báo cáo ngay với trưởng khoa.

- Tùy từng sự cố trưởng khoa phân công cá nhân giải quyết.

- Nhân viên giải quyết sự cố, báo cáo sự cố theo đúng quy trình báo cáo sự cố.

5. Bước 6: kết thúc quy trình KSK, khách hàng nhận giấy KSK

- Khách hàng nộp lại giấy sau khi khám xong chuyên khoa để điều dưỡng kiểm tra và đối chiếu.

- Điều dưỡng thông báo cho khách hàng khám bổ sung nếu phát hiện thiếu sót khoa cần khám.

- Sau khi kiểm tra nội dung đầy đủ, điều dưỡng:

+ Trình ký và đóng dấu tại bộ phận văn thư.

+ Scan lưu giấy khám vào file được lưu trữ tại khoa.

+ Lưu hồ sơ KSK (bản gốc).

+ Trả cho khách hàng (bản gốc, kết quả CLS).

6. Bước 7: thống kê, tổng hợp và báo cáo số liệu

Điều dưỡng trưởng khoa và điều dưỡng viên có trách nhiệm thống kê, tổng hợp, báo cáo kết quả KSK tại khoa theo định kỳ hàng tháng, quý, năm cho phòng chức năng.

III. Biểu mẫu áp dụng/hồ sơ lưu trữ

STT	Mã số biểu mẫu/hồ sơ	Tên biểu mẫu/hồ sơ	Nơi lưu trữ chính	Thời gian lưu
1	QT-ĐTDVTYC-05-BM.01	Giấy KSK TT 25/2026/TT-BYT	Phòng KHTH	10 năm
2		Báo cáo tháng	Phòng KHTH	10 năm
3		Sổ lưu trữ	Khoa ĐTDVTYC	10 năm

Ngày ban hành	Lần ban hành	Ngày hiệu lực
02/05/2019	01	02/05/2019
06/04/2020	02	06/04/2020

Ngày ban hành	Lần ban hành	Ngày hiệu lực
04/10/2022	03	04/10/2022
29/06/2023	04	29/06/2023
26/04/2024	05	26/04/2024
28/03/2025	06	28/03/2025
12/12/2025	07	12/12/2025
06/5/2026	08	06/5/2026
22/9/2026	09	22/9/2026

Mẫu số 3

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA LÃNH BINH THĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../SKSK-BVLBT

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE VÀ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ Y tế và Công văn số 9345/SYT-NVY ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh)

THÔNG TIN HÀNH CHÍNH

1. Họ và tên *(viết chữ in hoa)* .....

2. Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

3. Ngày tháng năm sinh .....

4. Dân tộc:.....

5. Nhóm máu (nếu có): .....

6. Số CCCD/Mã số định danh/Hộ chiếu[1]: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

7. Số thẻ BHYT: ☐☐- ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

8. Nơi ở hiện tại: .....

Xã, phường: .....

9. Nghề nghiệp:.....

10. Nơi làm việc, học tập:.....

Xã, phường: .....

11. Điện thoại di động: .....

12. Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

☐ Không

☐ Có, ghi cụ thể tên bệnh: .....

2. Tiền sử bệnh, tật của bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không?

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐

[1] Đối với người sử dụng ngân sách nhà nước chỉ chấp nhận số định danh cá nhân hoặc căn cước công dân

2

	đầu						
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu, bia thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không?

☐ Không

☐ Có. Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

b) Tiền sử thai sản *(Đối với phụ nữ):*

☐ Không

☐ Có. Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Bình Thới, ngày ..... tháng.....năm.....

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

3

THÔNG TIN ĐỐI TƯỢNG - CHI TRẢ

Đối tượng (ghi số từ 1 đến 17 theo mã đối tượng tại phụ lục): .....

Nguồn chi trả

☐ Ngân sách nhà nước hỗ trợ

☐ *Khám theo hợp đồng* ☐ *Khám phi địa giới*

☐ Người sử dụng lao động chi trả

☐ Người dân tự chi trả

☐ Nguồn khác: .....

Địa điểm khám: ☐ CS KBCB ☐ Khám lưu động ☐ Trạm Y tế ☐ Trường học ☐ KSK tại nhà

KẾT QUẢ KHÁM SỨC KHỎE

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: ..... cm; Mạch: .....lần/phút;
- Cân nặng: .....kg; Huyết áp:.....mmHg;
- Chỉ số BMI: ..... Nhịp thở: ..... lần/phút;

- **Phân loại thể lực:**

☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V

II. KHÁM LÂM SÀNG

	Nội dung	Họ tên, chữ ký của bác sĩ
1.	**Nội khoa**	
a)	*Tuần hoàn* ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
b)	*Hô hấp* ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
c)	*Tiêu hóa* ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	

d)	*Thận-Tiết niệu* ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
đ)	*Nội tiết* ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
e)	*Cơ - xương - khớp* ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
g)	*Thần kinh* ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
h)	*Tâm thần* ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
2.	**Ngoại khoa**	
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
3.	**Da liễu**	
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	

5

4.	**Sản phụ khoa**	
	Sản khoa ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
	Phụ khoa *(đối với nữ phải kết luận khám sàng lọc ung thư cổ tử cung và ung thư vú theo TT32/2023/TT-BYT)* ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
5.	**Mắt** *Khám thị lực* Không kính: MP: ..... MT: ..... Kính lỗ: MP: ..... MT: ..... Có kính: MP: ..... MT: ..... *Khám khúc xạ (nếu có)* MP: độ cầu – độ trụ - trục MT: độ cầu – độ trụ - trục	
	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
6.	**Tai - Mũi - Họng** *Kết quả khám thính lực:* Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m ☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	
7.	**Răng - Hàm - Mặt**	
	18 17 16 15 14 13 12 11 21 22 23 24 25 26 27 28 Hàm trên Hàm dưới 48 47 46 45 44 43 42 41 31 32 33 34 35 36 37 38 *Tình trạng răng* *0: Bình thường 1: Sâu 2: Trám sâu lại 3: Trám tốt* *4: Mất do sâu 5: Mất lý do khác 6: Bít hố rãnh* *7: Trụ, cầu, implant 8: Chưa mọc 9: Loại trừ*	

	☐ Chưa phát hiện bất thường. ☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD ..... ☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V	

III. CẬN LÂM SÀNG

1. Khám phân loại sức khỏe để đi học, đi làm thực hiện cận lâm sàng sau:

Nội dung	Họ tên, chữ ký bác sĩ/CN XN
a) Xét nghiệm máu - Huyết học: Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi + Số lượng HC: .....M/µL + Huyết sắc tố: ..... g/dL + Hematocrit: .....% + MCV: ..... fL + MCH: .....pg + MCHC: ..... g/dL + RDW: .....% + Số lượng bạch cầu: ..... K/µL + Số lượng bạch cầu trung tính: ..... K/µL + Số lượng bạch cầu lympho: ..... K/µL + Số lượng bạch cầu đơn nhân: ..... K/µL + Số lượng bạch cầu ái toan: ..... K/µL + Số lượng bạch cầu ái kiềm: ..... K/µL + Số lượng tiểu cầu: ..... K/µL - Sinh hoá máu: + Đường máu: ..... mml/L + Urê: ..... mml/L + Creatinin: ..... umol/L + ASAT(GOT): ..... U/L + ALAT (GPT):..... .....U/L	
b) Xét nghiệm nước tiểu: - Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động): ..... + Tỉ trọng ..... + pH ..... + Bạch cầu .....Leu/uL + Hồng cầu: .....Ery/uL + Nitrit: .....neg/pos + Protein: ..... mg/dL + Glucose: ..... mg/dL + Thể cetonic: ..... mg/dL + Bilirubin: ..... mg/dL + Urobilinogen: ..... mg/dL - Khác (nếu có):	

7

c) Chẩn đoán hình ảnh (X-Quang tim phổi thẳng)	
d) Cận lâm sàng khác: ☐ Không ☐ Có. Nếu có, liệt kê kết quả chi tiết:.....	

2. Khám sức khỏe định kỳ

Nội dung	Họ tên, chữ ký bác sĩ/CN XN
1. Các xét nghiệm chỉ thực hiện khi có chỉ định của bác sĩ khám sức khỏe:	
a) Kết quả xét nghiệm máu: - Huyết học: Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi + Số lượng HC: .....M/µL + Huyết sắc tố: ..... g/dL + Hematocrit: .....% + MCV: ..... fL + MCH: .....pg + MCHC: ..... g/dL + RDW: .....% + Số lượng bạch cầu: ..... K/µL + Số lượng bạch cầu trung tính: ..... K/µL + Số lượng bạch cầu lympho: ..... K/µL + Số lượng bạch cầu đơn nhân: ..... K/µL + Số lượng bạch cầu ái toan: ..... K/µL + Số lượng bạch cầu ái kiềm: ..... K/µL + Số lượng tiểu cầu: ..... K/µL - Sinh hoá máu: + Đường máu: ..... mml/L + Creatinin: ..... umol/L + ASAT(GOT): ..... U/L + ALAT (GPT):.....U/L	
b) Xét nghiệm nước tiểu: - Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động): ..... + Tỉ trọng ..... + pH ..... + Bạch cầu: .....Leu/uL + Hồng cầu: .....Ery/uL + Nitrit: .....neg/pos + Protein: ..... mg/dL + Glucose: ..... mg/dL + Thể cetonic: ..... mg/dL + Bilirubin: ..... mg/dL + Urobilinogen:mg/dL..... Khác (nếu có):.....	

8

c) Kết quả Chẩn đoán hình ảnh	
d) Kết quả Cận lâm sàng khác:	
Riêng đối với nữ lao động phải thực hiện danh mục quy định tại Phụ lục XXV Thông tư số *TT32/2023/TT-BYT (bắt buộc)* - Xét nghiệm tế bào cổ tử cung/Xét nghiệm HPV (nếu có) .... - X-Quang nhũ/ Siêu âm 02 tuyến vú (nếu có)	

V. KẾT LUẬN

1. Tình trạng sức khỏe, mắc các bệnh, tật (nếu có)

☐ Chưa phát hiện bất thường.

☐ Chẩn đoán sơ bộ, ghi rõ theo mã ICD .....

☐ Chẩn đoán xác định, ghi rõ theo mã ICD .....

2. Phân loại sức khỏe:

Phân loại ☐ Loại I ☐ Loại II ☐ Loại III ☐ Loại IV ☐ Loại V

3. Đề nghị: .....

.....

.....

Bình Thới, ngày.....tháng..... năm.....

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BỆNH VIỆN ĐA KHOA
LÃNH BINH THĂNG
KHOA ĐIỀU TRỊ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU

LƯU ĐỒ
KHÁM SỨC KHỎE TẠI KHOA ĐTDVTYC

Trách nhiệm	Các bước thực hiện	Mô tả/ tài liệu liên quan
- Điều dưỡng	Tiếp nhận, hướng dẫn khách hàng	- Tiếp nhận yêu cầu, phát hồ sơ KSK. - Hướng dẫn khách hàng thông tin cần thiết, lấy dấu sinh hiệu. - Nhập thông tin vào Hsoft.
- Điều dưỡng - Nhân viên thu phí	Hướng dẫn khách hàng đóng tiền	- Khách hàng đóng tiền tại quầy thu phí. - Quay lại quầy tiếp nhận KSK.
- Bác sĩ phòng khám - Điều dưỡng - Kỹ thuật viên	Khám và thực hiện cận lâm sàng (nếu có)	- Khám, ghi thông tin vào hồ sơ KSK. - Giải đáp thắc mắc khi có yêu cầu. - Thực hiện CLS.
- BS trưởng khoa - Điều dưỡng trưởng	Giải quyết sự cố (nếu có)	- Giải quyết sự cố và báo cáo sự cố theo đúng quy trình.
Điều dưỡng viên	Khách hàng nhận lại giấy KSK	- Trình ký giấy KSK, đóng dấu bệnh viện. - Scan lưu giấy KSK. - Trả hồ sơ cho khách hàng.
- Điều dưỡng trưởng - Điều dưỡng viên	Thống kê, tổng hợp báo số liệu	- Báo cáo định kỳ cho phòng chức năng.